

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 456/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Y, sinh năm 1984; thường trú: 124/4B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1975; thường trú: 174/35, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; tạm trú: 124/4B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-10-2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Y và anh Nguyễn Đăng H tìm hiểu nhau một thời gian rồi đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố D, tỉnh B năm 2004 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 01/6/2004.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh H bộc lộ tính cách khó chịu, gia trưởng, quản lý mọi sinh hoạt và chi tiêu trong gia đình một cách vô lý, ngoài ra sau khi nhậu nhẹt về anh H có lời lẽ xúc phạm, đóng cửa đánh chị Y gây ảnh hưởng tới tâm lý của các con. Anh chị đã ly thân được hai năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau.

Nay chị Y xác định không còn tình cảm với anh H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 12/5/2014. Theo đơn khởi kiện, chị Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Minh T, giao con chung là Nguyễn Minh Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 17/6/2020, bị đơn anh Nguyễn Đăng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B tỉnh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại B một thời gian rồi sống tại nhà mẹ vợ tại thành phố D cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nay chị Y yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Y có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 12/5/2014. Anh mong hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Trường hợp chị Y kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu chị Y cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/2 con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại khu phố Đ, phường T thể hiện: Quá trình chung sống chị Y và anh H có xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không êm ấm, hòa thuận. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ.

Kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ phường T, thành phố D, tỉnh B: Hội không nhận được đơn yêu cầu hòa giải quan hệ hôn nhân và cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Đăng H và chị Đinh Thị Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Đăng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 01/6/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Y xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, cùng nhau vun đắp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Đây cũng là nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị Y cho rằng hai anh chị thường xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hòa thuận phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương, lời khai của con chung là cháu Nguyễn Minh Đ. Anh H có bản tự khai khẳng định vợ chồng không mâu thuẫn gì đáng kể và vì con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình tố tụng Tòa án triệu tập anh H tham gia các buổi hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do, không đưa ra phương hướng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Chị Y và anh H mặc dù sống chung nhưng chị Y không còn tình cảm với anh H, vợ chồng mạnh ai nấy sống. Mâu thuẫn giữa chị Y và anh H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc có thể ảnh hưởng không tốt tới tâm lý các con chung. Do đó, chị Y yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị Y thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 12/5/2014. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của

con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo yêu cầu anh H cung cấp chứng cứ về mức thu nhập hiện tại nhưng anh không cung cấp. Cháu Đ hiện 15 tuổi, giới tính là nam, đồng thời chị Y tự nguyện giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng được nuôi con của anh H. Do đó việc giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Đối với cháu T còn nhỏ, giới tính là nữ, chị Y cung cấp chứng cứ thể hiện mức thu nhập trung bình hàng tháng trên 6.000.000 đồng, đủ khả năng trực tiếp nuôi con, do đó cần giao cháu T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh H và chị Y đều trực tiếp nuôi con chung nên việc anh H yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp, ý kiến của chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T và chị không cấp dưỡng nuôi cháu Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Y đối với anh Nguyễn Đăng H về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Đăng H (Giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 01/6/2004 do UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp).

- Về con chung: Chị Đinh Thị Y giao con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/6/2005 cho anh Nguyễn Đăng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đăng H giao con chung là Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Đinh Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Y và anh Nguyễn Đăng H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Đinh Thị Y và anh Nguyễn Đăng H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị Y, anh H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008260 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh

Đ;

- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân